

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28/02/2022

*“V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình
ly hôn, nuôi con”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Quang Thanh

Ông Nguyễn Viết Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lệ Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 28/02/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 221/2021/TLST-HNGĐ ngày 04/11/2021, về việc *“Tranh chấp về hôn nhân gia đình ly hôn, nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2022/QĐXXST-DS ngày 19/01/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2022/QĐST-DS ngày 09/02/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Đinh Công L, sinh năm 1991; (Có mặt)

2. Bị đơn: Chị Bùi Thị L, sinh năm 1989; (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp Đ, xã H, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Đinh Công L trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Đinh Công L và chị Bùi Thị L tự tìm hiểu, quen biết và về chung sống với nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp ngày 08/9/2014.

Thời gian đầu vợ chồng sống với nhau hạnh phúc, sinh được 02 người con; nhưng từ sau khi sinh con thứ hai thì chị L thường xuyên kiểm chuyện với anh L, bất đồng quan điểm ngày càng nhiều, chị L thay đổi tính tình, thường xuyên nổi cáu với anh L, khinh thường anh L, hay cãi nhau với mẹ của anh L. Theo anh L, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị L xem thường anh L làm ít tiền, không tôn trọng anh L, không ngó ngàng, quan tâm gì đến anh L và các con.

Anh L cố gắng nhường nhịn và khuyên nhủ chị L thay đổi tính tình, để có cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng chị L không đồng ý hàn gắn và từ khoảng 01 năm nay, chị L đã ly thân với anh L.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng ngày một lạnh nhạt, vợ chồng ngày càng cãi nhau gay gắt, mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng không thể hàn gắn. Anh L cảm thấy không còn tình cảm với chị L, không thể tiếp tục chung sống với chị L. Do đó, anh L yêu cầu được ly hôn với chị L.

- Về con chung: Anh L và chị L có 02 con chung tên Đinh Bùi Tâm N, sinh ngày 31/10/2014 và Đinh Bùi Tâm U, sinh ngày 24/9/2018. Hiện 02 con chung đang sống chung với anh L. Sau khi ly hôn, anh L yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Bùi Thị L nhưng chị Bùi Thị L không có văn bản ghi ý kiến đối với nội dung vụ án, đồng thời không có mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như không có mặt tại phiên tòa xét xử của Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của anh Đinh Công L yêu cầu ly hôn với chị Bùi Thị L, yêu cầu được nuôi con chung, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con. Bị đơn Bùi Thị L có địa chỉ tại xã H, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Bùi Thị L, nhưng chị Bùi Thị L không có mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời không có mặt tại phiên tòa, anh L đồng ý việc xét xử vắng mặt chị L. Do đó căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Bùi Thị L.

[2] *Về nội dung*: Xét quan hệ hôn nhân của anh Đinh Công L và chị Bùi Thị L được xác lập vào năm 2014, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp ngày 08/9/2014 (Số: 90/CNKH, Quyết số 01/2014) nên quan hệ hôn nhân giữa anh L và chị L là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Tại phiên tòa, anh L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu được ly hôn với chị L.

Xét thấy, theo anh L trình bày, nguyên nhân mâu thuẫn do anh L làm không có tiền, nên chị L xem thường anh, từ đó dẫn đến nhiều bất đồng trong cuộc sống, cả hai thường xuyên cãi vã với nhau nên đã ly thân từ khoảng 01 năm nay.

Đối với chị L, từ khi chị L nhận được Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án, chị L không gửi (nộp) ý kiến để trình bày về quan hệ hôn nhân. Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ đối với chị L, nhưng chị L vẫn vắng mặt, chứng tỏ chị L không có thiện chí để đoàn tụ gia đình với anh L.

Từ những lý do trên cho thấy, hôn nhân của anh L, chị L đã có mâu thuẫn, mâu thuẫn này kéo dài, nhưng cả hai không tìm được cách hàn gắn. Có thể thấy, hôn nhân của Anh, Chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ theo Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh L.

[2.2] Về con chung: Anh L và chị L có 02 con chung tên Đinh Bùi Tâm N, sinh ngày 31/10/2014 và Đinh Bùi Tâm U, sinh ngày 24/9/2018. Hiện 02 con chung đang sống chung với anh L. Sau khi ly hôn, anh L yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay cháu Đinh Bùi Tâm N và cháu Đinh Bùi Tâm U đang sống chung với anh L, do anh L nuôi dưỡng, cháu Tâm N có văn bản trình bày nguyện vọng của cháu là được sống chung với cha là anh L. Như vậy, yêu cầu của anh L cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu. Đối với chị L không có văn bản ý kiến yêu cầu về việc nuôi con chung. Do đó, để đảm bảo quyền lợi của cháu Đinh Bùi Tâm N và cháu Đinh Bùi Tâm U, giao cháu Đinh Bùi Tâm N và cháu Đinh Bùi Tâm U cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do anh L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh L trình bày không có, chị L không có văn bản ý kiến để trình bày về tài sản chung và nợ chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] *Án phí*: Anh Đinh Công L phải chịu 300.000 tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Đinh Công L.

- Anh Đinh Công L được ly hôn với chị Bùi Thị L.

2/ Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của anh Đinh Công L. Giao con chung là cháu Đinh Bùi Tâm N, sinh ngày 31/10/2014 và Đinh Bùi Tâm U, sinh ngày 24/9/2018 cho anh Đinh Công L tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do anh L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4/ Về án phí: Anh Đinh Công L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0005092 ngày 02/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp. Anh Đinh Công L đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Đinh Công L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Bùi Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TPCL;
- Đường sự;
- Tòa án Tỉnh;
- Chi cục THADS TPCL;
- UBND xã Hòa An, thành phố Cao Lãnh (Số 90/CNKH, Quyền số 01/2014, ngày 08/9/2014);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Phương Hồng

